

BẢNG MA TRẬN CÂU HỎI

STT	Hình thức câu hỏi	CHỦ ĐỀ-KĨ NĂNG		Câu hỏi theo mức độ nhận thức				TỔNG CỘNG
				Điểm / 10	Nhận biết 16 câu (40%)	Thông hiểu 12 câu (30%)	Vận dụng 12 câu (30%)	
1	TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN	PRONUNCIATION	Vowels	0.25	1			1
			Consonants	0.25	1			1
2		STRESS	Two-syllable words	0.25	1			1
			More than two-syllable words	0.25	1			1
3		VOCABULARY (Unit 3-Unit 4)	Synonyms-Antonyms	1	2	2		4
			Word choice: nouns/verbs/adjectives/ adverbs	0.5		1	1	2
4		GRAMMAR	Gap-fill: Wish/If only/ Future tenses	0.5	1	1		2
5		SPEAKING	Expressing preferences/ raising objections/ coming to an agreement/ Daily conversation	0.25		1		1
6		PARAGRAPH ARRANGEMENT	Describing houses/ Part of your body	0.5			2	2
7		READING COMPREHENSION (about 300 words)	Main idea/ Detail/ Word meaning/ Inference/ Paraphrasing/ Reference	1.25	1	1	3	5
8	CLOZE TEST (about 100- 200 words)	Collocation/ Part of speech/ Function words/ Word choice/ Fixed expressions	2.5	4	3	3	10	
9	TỰ LUẬN	WORD FORMATION	Nouns/Verbs/ Adjectives/ Adverbs	1.25	2	1	2	5
10		SENTENCE TRANSFORMATION	Conditional sentences/ Future tenses/ Comparison/ Paraphrasing	1.25	2	2	1	5
TỔNG CỘNG					16	12	12	40
Tổng điểm					4	3	3	10

DUYỆT CỦA BGH

TTCM

Nguyễn Ngọc Huyền Ngân